

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các điều 149, 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 641/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1/ Ông Nguyễn Minh T – Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 103/4 đường K, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Trần Thị Thu H – Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: 103/4 đường K, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H đều xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên ông, bà thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được công nhận.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H xác nhận ông, bà có 03 (ba) con chung tên: Nguyễn Trần Đăng K – Sinh ngày: 25/8/2009; Nguyễn Trần Đăng O – Sinh ngày: 19/10/2011 và Nguyễn Trần Đăng P – Sinh ngày 03/4/2024. Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H thỏa thuận: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trần Đăng K và Nguyễn Trần Đăng O cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung tên Nguyễn Trần Đăng P cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H xác nhận ông, bà không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số 1/2008, đăng ký ngày 29/8/2008 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận I, thành phố H (nay là Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H) cấp cho ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H xác nhận ông, bà có 03 (ba) con chung tên: Nguyễn Trần Đăng K – Sinh ngày: 25/8/2009; Nguyễn Trần Đăng O – Sinh ngày: 19/10/2011 và Nguyễn Trần Đăng P – Sinh ngày 03/4/2024. Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H thỏa thuận: Giao 02 (hai) con chung tên Nguyễn Trần Đăng K và Nguyễn Trần Đăng O cho ông Nguyễn Minh T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung tên Nguyễn Trần Đăng P cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc hạn chế quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H xác nhận ông, bà không có nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Tòa án là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Nguyễn Minh T và bà Trần Thị Thu H nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà ông T, bà H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0028623 ngày 08 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân KV.3 – TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND phường A, thành phố H;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.



THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Nhàn